SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG **TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 621 /QĐ-TTYT	*Kiến Đức, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ–CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 09 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn cho người dân;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc bãi bỏ Nghị quyết số 370/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, tiêu hủy, thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; mua sắm tài sản công là vật tiêu hao; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-BYT ngày 06 tháng 05 năm 2026 của Bộ Y tế, về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khám sức khoẻ định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân;

Căn cứ Kế hoạch số 6446/KH-UBND ngày 08 tháng 05 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc khám sức khoẻ định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 25 tháng 05 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 6446/KH-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 2663/QĐ-UBND ngày 29 tháng 05 năm 2026 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Y tế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước đối với hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho người dân tỉnh Lâm Đồng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-SYT ngày 29 tháng 05 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước đối với hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc cho người dân tỉnh Lâm Đồng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 10360/UBND-KGVX ngày 01 tháng 07 năm 2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí theo Nghị định số 165/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 13318/UBND-KGVX ngày 11 tháng 08 năm 2026 của UBND tỉnh về khẩn trương triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ Công văn số 3307/SYT-KHTC, ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 6446/KH-UBND ngày 08/5/2026 của UBND tỉnh về việc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 3967/SYT-NVD ngày 02 tháng 06 năm 2026 của Sở Y tế về việc đảm bảo hóa chất, vật tư y tế phục vụ khám sức khỏe toàn dân;

Căn cứ Công văn số 6331/SYT-NVY ngày 12 tháng 08 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về tiếp tục triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ Công văn số 7122/SYT-NVY ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ kế hoạch số 311/KH-TTYT ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp về việc Khám sức khỏe định kỳ cho người dân 03 xã Kiến Đức, Quảng Tín, Nhân Cơ năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 107/TB-TTYT ngày 09 tháng 10 năm 2026 về việc Kết luận họp Giao ban công tác chuyên môn tháng 9 năm 2026: Giao Khoa Dược-VT, TBYT thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đáp ứng nhu cầu Vật tư y tế, hóa chất phục vụ công tác khám, chữa bệnh và triển khai " Chiến dịch 60 ngày đêm cao điểm khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân";

Căn cứ Công văn số 13/XN-CĐHA ngày 09 tháng 10 năm 2026 vủa khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán Hình ảnh về việc đề xuất vật tư hóa chất phục vụ công tác Khám sức khỏe định kỳ cho người dân năm 2026;

Căn cứ Công văn số 876/TTYT-KD-VT, TBYT ngày 09 tháng 10 năm 2026 về việc mời chào giá Kế hoạch mua sắm Vật tư, hóa chất phục vụ Khám sức khỏe toàn dân cho đối tượng trên 18 tuổi năm 2026;

Căn cứ bảng chào giá của các nhà thầu theo Công văn số 876/TTYT-KD-VT, TBYT;

Căn cứ Kế hoạch số 332/KH-TTYT ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'Lấp về việc lựa chọn nhà thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-TTYT ngày 30 tháng 10 năm 2026 về việc phê duyệt dự toán Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp.

Theo đề nghị của phụ trách Khoa Dược-VT, TBYT tại Tờ trình số 117/TTr-KD- VT, TBYT ngày 02/11/2026 về việc trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp với nội dung chi tiết theo các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Khoa Dược-VT, TBYT, phòng Tổ chức hành chính-Kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban giám đốc;
- Phòng TCHC-KT;
- Khoa Dược-VT, TBYT;
- Lưu: VT, KD-VT, TBYT (DS Tiến).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP

Trương Đức Minh

Phụ lục

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTYT ngày tháng năm 2006 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp)

STT	Tên chủ đầu tư[2]	Tên gói thầu [3]		Giá gói thầu[4]	Nguồn vốn [5]	Hình thức lựa chọn nhà thầu [6]	Phương thức lựa chọn nhà thầu[7]	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu [8]	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu [9]	Loại hợp đồng [10]	Thời gian thực hiện hợp đồng [11]	Tùy chọn mua thêm [12]
		Tên gói thầu	**Tóm tắt công việc chính của gói thầu**									
1	Trung tâm Y tế Khu vực Đắk R’lấp	Gói thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R’lấp	Gói thầu mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R’lấp; gồm 01 danh mục: 27 mặt hàng; Tổng giá trị: **1.880.737.780** VNĐ	**1.880.737.780** VNĐ	Nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Quý IV /2026	Đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.880.737.780** VND *(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi đồng)*								

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC ĐẮK R'LẤP
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
03/11/2026 18:24:21

Phụ lục

Danh mục Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026 tại Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp

(Kèm theo Quyết định số: 621 /QĐ-TTYT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá có VAT	Thành tiền VNĐ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Hóa chất, vật tư dùng cho máy huyết học Nihon Kohden/ Celltac G 9100													
1	KSK001	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 7.0 đến 7.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dodecyltrimethylammonium chloride: < 3.0%, Cetrimonium chloride: < 0.1%, Citric acid monohydrate: < 2.0% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có 1 CFS thuộc G7	Hemolynac 310 / MK-310W	T493D	38221900	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Can 250 ml	Can	61	2.900.000	176.900.000
2	KSK002	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: Chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sul phate: 0.11% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có 1 CFS thuộc G7	Hemolynac 510 / MK-510W	T496D	38221900	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Can 250 ml	Can	62	3.250.000	201.500.000
3	KSK003	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh dương Mùi: nhẹ Độ pH: 8.0 đến 8.6 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium alkyl ether sul phate: 0.069% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có 1 CFS thuộc G7	Cleanac 710 / MK-710W	T438H	34025012	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Can 2L	Can	20	3.200.000	64.000.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá có VAT	Thành tiền VNĐ
4	KSK004	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite: 6.1%, Sodium hydroxide <0.5% Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: chỉ dùng 1 lần Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có CFS Nhật Bản (G7)	Cleanac 810 / MK-810W	T438R	34025012	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Bộ (3x15 ml)	Bộ	4	4.600.000	18.400.000
5	KSK005	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sul phate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có 1 CFS thuộc G7	Isotonac 3 / MEK-640	T436D	38221900	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Can 18L	Can	188	2.600.000	488.800.000
6	KSK006	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm huyết học 5 thành phần bạch cầu Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: trung tính Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu mô phỏng và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE-IVDR Có 1 CFS thuộc G7	MEK-5DN	MEK-5DN	38221900	Research and Diagnostic Systems, Inc. (R&D Systems, Inc.)	Mỹ	Lọ 3ml	Lọ	4	3.000.000	12.000.000
7	KSK007	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học MEK 9100 để hiệu chuẩn máy	Dùng để hiệu chuẩn máy phân tích huyết học Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 7 ngày Đạt tiêu chuẩn ISO13485,CE	Hematology Control / MEK-CAL	MEK-CAL	38229090	Research and Diagnostic Systems, Inc. (R&D Systems, Inc.)	Mỹ	Lọ 2 ml	Lọ	1	1.800.000	1.800.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá có VAT	Thành tiền VNĐ
8	KSK008	Phin lọc cho máy huyết học MEK 9100	Mật độ: 0.9 g/cm3 Đàn hồi kéo: 1400 MPa Độ bền kéo: 33 MPa Hệ số uốn: 1400 MPa Độ bền uốn: 40 Mpa Nhiệt độ biến dạng: 85˚C	Filter Assy	T802	84212990	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Nhật Bản	Hộp 10 chiếc	Chiếc	1	170.000	170.000
II. Phim, test nước tiểu, vật tư tiêu hao dùng chung													
9	KSK009	Phim X-Quang y tế 20x25cm	Kích cỡ: 20X25cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét với in ấn y tế thang xám trên nền PET có độ dày 168µm - Mật độ quang học tối đa ≥3.1 - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng Phim) bởi ánh sáng ban ngày - Sử dụng cho các dòng máy in phim X-quang y tế Agfa. Máy in DRYSTAR AXYS Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Phim Xquang AGFA DRYSTAR DT 5.000IB 8x10inch (20x25cm)	AGFA DRYSTAR DT 5.000I B	3701	Agfa-Gevaert NV	Bỉ	Hộp 100 tấm	Tấm	5.000	17.100	85.500.000
10	KSK010	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bơm tiêm MPV sử dụng một lần 5ml	BTK5: MPV	9018	Công ty cổ phần nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Việt Nam	Hộp 100 cái	Cái	40.000	750	30.000.000
11	KSK011	Que thử nước tiểu 10 thông số	Xét nghiệm 10 thông số trong nước tiểu UroColor 10/10UK10 Máu (tetramethylbenzidine 12µg và cumene hydroperoxide 5µL); Bilirubin (natri nitrite 13µg và 99% Methanol); Urobilinogen (4 Diethylaminobenzaldehyde 26µg); Ketone (natri nitroprusiat 0,19mg); Protein (tetrabromphenol xanh 2µg); Nitrite (axit parsanilic 56µg); Glucose (glucose oxidase 1,1 đơn vị, peroxidase 0,13 đơn vị và potassium iodide 0,3mg); pH (methyl đỏ 1,3µg và bromthymol xanh 9µg); Tỷ trọng nước tiểu (bromthymol xanh 18µg); Bạch cầu (phenylpyrrole dẫn xuất 9µg và muối diazonium 7µg). - Chứng nhận ISO 13485 & CE & EUFSC - Tương thích và chạy ổn định trên máy UroMeter.	UroColor 10	10UK10	3822	Abbott Diagnostics Korea Inc.	Hàn Quốc	Hộp/100 test	Test	6.000	5.800	34.800.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá có VAT	Thành tiền VNĐ
12	KSK012	Găng khám bệnh có bột các cỡ	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiệt trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, có phủ bột, chiều dài 220mm-240mm (theo size)	GĂNG TAY CAO SU Y TẾ 240 mm	GKT	4015	Nam Tín	Việt Nam	50 đôi/hộp	Đôi	4.000	1.470	5.880.000
13	KSK013	Khẩu trang y tế	Khẩu trang đạt tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010, ISO 13485 hoặc tương đương	Khẩu trang y tế	4 lớp Trường Dương	6307	Trường Dương	Việt Nam	50 cái/hộp	Cái	1.000	420	420.000
14	KSK014	Ống nghiệm EDTA K3 2ml, nắp cao su	Ống nghiệm EDTA K3 2ml, nắp cao su Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Xanh dương hoặc đen (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp cao su. Hóa chất: Tripotassium Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA K3). Dung tích máu: 2.0 ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống nghiệm EDTA K3 HTM 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	EDT_22ML OK33R1L1	3926	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	2400 ống/thùng	Ống	34.000	1.554	52.836.000
15	KSK015	Ống nghiệm Heparin 2ml	Ống nghiệm Heparin 2ml Kích thước ống:12x75mm,13x75mm (cho thể tích 5ml). Màu nắp, nhãn ống: Đen hoặc Xanh lá (màu nắp nhãn tùy theo nhu cầu từ người sử dụng). Nắp thường. Hóa chất: LITHIUM HEPARIN hoặc SODIUM HEPARIN. Dung tích máu: 2ml có vạch định mức. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ống nghiệm Heparin	1OHEP02AP	3926	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SỨC KHỎE AN PHÁT	Việt Nam	Thùng/2.400 ống	Ống	40.000	790	31.600.000
16	KSK016	Lọ nhựa đựng mẫu	Lọ nhựa polystyrene (PS) trong suốt, dung tích 50ml, nắp nhựa màu đỏ, có nhãn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ nhựa đựng mẫu PS 50ml HTM nắp đỏ, có nhãn	LON_350M NON3P3N1	3926	Công ty CP Vật Tư Y Tế Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	100 lọ/bịch	Lọ	10.000	1.218	12.180.000
III. Hóa chất, vật tư dùng cho máy Sinh hóa AU480													
17	KSK017	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. hiệu chuẩn General Chemistry được sử dụng để hiệu chuẩn trong định lượng hóa sinh lâm sàng trên máy phân tích sinh hóa. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	General Chemmistry Calibrator	GL983	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Lọ 5ml	Lọ	5	884.940	4.424.700
18	KSK018	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 1. Quy cách: Lọ 5ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	General Chemmistry Control Level 1	GL922	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Lọ 5ml	Lọ	10	684.810	6.848.100

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng kế hoạch	Đơn giá có VAT	Thành tiền VNĐ
19	KSK019	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. General Chemistry control được sử dụng để xác minh hiệu suất của thuốc thử và thiết bị trong định lượng của các hóa chất khác nhau trên máy phân tích tự động và bán tự động, mức 2. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7. Quy cách: Lọ 5ml.	General Chemmistry Control Level 2	GL932	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Lọ 5ml	Lọ	10	684.810	6.848.100
20	KSK020	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Được dùng để làm sạch các hệ thống đo của máy phân tích hóa sinh. Quy cách: Hộp x 2000ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	AU Series System Wash Solution	GLAUWASH	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ 2000ml	Hộp	80	2.835.000	226.800.000
21	KSK021	Photometer Lamp, 12V 20W	Bóng đèn dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Bóng Halogen 12V, 20W	Photometer Lamp, 12v 20w	MU988800	3822	Beckman Coulter/ Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp/ 1 Cái	Cái	2	4.070.520	8.141.040
22	KSK022	Roller Tubing (ống dây bơm)	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480 Dây bơm nhu động bằng cao su và nhựa, dài 10.5cm. Gói/ 2 cái	Roller Tube	MU962300	3822	Beckman Coulter/ Nhật Bản	Nhật Bản	Túi 2 cái	Cái	10	1.318.680	13.186.800
23	KSK023	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương,nước tiểu và CSF trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x12ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Glucose HEX	GLAU716	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ R1: 4x25ml, R2: 4x12ml	ml	3.256	20.764	67.609.080
24	KSK024	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương,theo khuyến cáo của IFCC trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x25ml, R2: 4x25ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Aspartate Aminotransferase (AST)	GLAU703	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ R1: 4x25ml, R2: 4x25ml	ml	4.000	14.903	59.612.280
25	KSK025	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x50ml, R2: 4x25ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Alanine Aminotransferase (ALT)	GLAU702	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ R1: 4x50ml, R2: 4x25ml	ml	6.000	11.269	67.615.380
26	KSK026	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương, trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 4x60ml, R2: 4x60ml. Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Urea	GLAU802	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ R1: 4x60ml, R2: 4x60ml	ml	4.800	9.786	46.972.800
27	KSK027	Hóa chất xét nghiệm dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa AU480. Thuốc thử chẩn đoán In Vitro để xác định định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên máy phân tích tự động. Quy cách: Hộp x R1: 7x70ml, R2: 7x35ml Xuất xứ: Châu Âu hoặc G7	Creatinine Enzimatic	GLAU216	3822	Glenbio/ Anh	Anh	Hộp/ R1: 7x70ml, R2: 7x35ml	ml	14.700	10.605	155.893.500
Tổng cộng: 27 khoản													**1.880.737.780**